TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2022
V/v Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu.

Bà Trần Thị Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 162/2022/TLST-HNGĐ về việc *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1996. Địa chỉ: xã An Ngãi Tây, Hòa Sơn, Hòa Vang, tp. Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: ông Lại Thế D, sinh năm: 1995. Địa chỉ: 155/145 Trần Đình Nam , tổ 66, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lại Thế D kết hôn vào năm 2016, có Giấy đăng ký kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: đường N, phường A, quận L, tp, Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, đến khoảng năm 2019 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do ông D không có trách nhiệm với gia đình và con cái nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Ông bà đã không sống chung với nhau khoảng 03 năm. Bà đã đưa

con chung là cháu P về nhà mẹ ruột sinh sống từ đó đến nay. Nay bà Nguyễn Thị Kim T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Lại Thế D.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lại Thế D có một con chung: cháu Lại Nguyễn Thế P, sinh năm 2017. Ly hôn, bà Nguyễn Thị Kim T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lại Nguyễn Thế P và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có tài sản chung. Ông bà không nợ ai và không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn là ông Lại Thế D trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, chung sống, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, có cãi vã nhau và hai vợ chồng đã không chung sống với nhau được 3 năm. Nay ông xác định vẫn còn tình cảm và yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung: cháu Lại Nguyễn Thế P, sinh ngày 02/2/2017. Trường hợp ly hôn, ông mong muốn trực tiếp nuôi cháu P.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không có tài sản chung. Ông bà không nợ ai và không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Theo văn bản có xác nhận của Tổ dân phố số 66 phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng, ông Lại Thế D và bà Nguyễn Thị Kim T có cư trú tại địa phương. Cuộc sống gia đình của ông bà không hạnh phúc. Bà T đã đưa cháu P về nhà mẹ ruột sinh sống từ khoảng năm 2018 đến nay.

**** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Lại Thế D.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là: Lại Nguyễn Thế P, sinh năm 2017 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2022 thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lại Thế D và yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, nuôi con chung*".

[2] Về thẩm quyền của Tòa án: ông Lại Thế D hiện đang cư trú tại 155/145 Trần Đình Nam , tổ 66, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lại Thế D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung tranh chấp

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lại Thế D tự nguyện kết hôn năm 2016 tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, tp. Đà Nẵng (theo trích lục kết hôn số 113/TLKH-BS ngày 11/11/2016 do UBND xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, tp. Đà Nẵng cấp). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại đường N, phường A, quận L, tp, Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T, HĐXX nhận thấy: sau khoảng thời gian sống chung, vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông D không có trách nhiệm với gia đình và con cái nên cuộc sống gia

đình không hạnh phúc. Đồng thời, ông bà đã không còn chung sống với nhau được khoảng 03 năm. Theo xác minh tại Tổ dân phố thì khoảng năm 2018, bà T đã đưa con chung là cháu P về nhà mẹ ruột sinh sống đến nay. Điều này trái với nghĩa vụ vợ chồng quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình hòa giải, mặc dù ông D cho rằng vẫn còn tình cảm với bà T nhưng trong suốt 04 năm không chung sống với nhau, ông vẫn không có bất kỳ đồng thái gì để hàn gắn mối quan hệ này.

Do mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lại Thế D đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim T xác định không còn tình cảm với ông Lại Thế D nữa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Lại Thế D.

[5] Về con chung và cấp dưỡng: bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lại Thế D có 01 con chung là: cháu Lại Nguyễn Thế P, sinh năm 2017. Ly hôn, bà Nguyễn Thị Kim T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lại Nguyễn Thế P và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà T thì thấy: Trong quá trình giải quyết, ông D thể hiện ý kiến mong muốn được nuôi dưỡng cháu Lại Nguyễn Thế P sau khi ông bà ly hôn. Từ năm 2018 đến nay, cháu P sinh sống với bà Nguyễn Thị Kim T và ông D không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc con. Do đó, để đảm bảo tính ổn định và những quyền lợi tốt nhất cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn, HĐXX nhận thấy cần tiếp tục giao cháu Lại Nguyễn Thế P cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về mức cấp dường, bà T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông Thiên phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện VKSND quận Cẩm Lệ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, 56, 69, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Lại Thế D về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Lại Thế D.

2. Về con chung: Giao cháu Lại Nguyễn Thế P, sinh năm 2017 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lại Nguyễn Thế P đủ 18 tuổi. Ông Lại Thế D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001867 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Hòa Sơn;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hưng